

Bản án số: 34 /2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 09 /5/ 2024

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Bích T8.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Quang Kim C

2. Ông Đặng Văn H

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Vân A – Thư ký Tòa án nhân huyện L, Đồng Tháp.

Trong ngày 09 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 59/2024/TLST-HNGĐ ngày 23/02/2024 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T9, sinh năm 1990; Địa chỉ: Số nhà H, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh ĐT.

Địa chỉ tạm trú: 995, ấp T, xã T, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Anh Huỳnh Minh T10, sinh năm 1991; Địa chỉ: Số nhà H, ấp H, xã V, huyện L, tỉnh ĐT.

Chị T có mặt tại phiên tòa. Anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt.

NHẬN THẤY:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh T9 trình bày:

Chị T với anh T2 tự tìm hiểu quen biết nhau tổ chức lễ cưới năm 2016 có đăng ký kết hôn ngày 29/3/2016 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi kết hôn cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T2 hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong

cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau không có tiếng nói chung. Mâu thuẫn kéo dài đến năm 2022 chị T bỏ về nhà cha mẹ ruột sống ly thân với anh T2 đến nay. Quá trình sống ly thân chị T và anh T2 cũng không có giải pháp hàn gắn đoàn tụ.

Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu ly hôn với anh T2.

Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh T2 có 01 con chung tên Huỳnh Thị Thu T11, sinh ngày 24/01/2016 hiện chị T đang nuôi. Khi ly hôn chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, chị T không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị T không yêu cầu giải quyết.

Từ khi thụ lý giải quyết vụ án bị đơn Huỳnh Minh T10 đã nhận được thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử do Tòa án tổng đạt đúng theo luật định, nhưng anh T2 không trình bày ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của chị T (Tòa án có liên lạc được với anh T2 bằng điện thoại) và anh T2 có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa.

Con chung Huỳnh Thị Thu T11, sinh năm 2016 trình bày ý kiến khi cha mẹ ly hôn, T11 có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; nghe lời trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về quan hệ pháp luật: Chị T xin ly hôn với anh T2 và yêu cầu giải quyết về con chung nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]Về thẩm quyền: Bị đơn trong vụ án là Huỳnh Minh T10 đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã V, huyện L nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lai vung theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]Về tố tụng: Xét thấy bị đơn anh Huỳnh M1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[4]Về nội dung:

[4.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh T9 và anh Huỳnh Minh T10 chung sống từ năm 2016, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn vào ngày 29/3/2016 tại UBND xã V, huyện L, tỉnh Đồng Tháp nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Sau kết hôn, chị T và anh T2 chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh mâu thuẫn. Theo chị T trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Chị T và anh T2 thường xuyên cãi nhau sống không hạnh phúc, chị T và anh T2 đã sống ly thân từ tháng 01/2022 đến nay, từ ngày sống ly thân đến nay anh chị cũng không gặp nhau để trao đổi tìm giải pháp hàn gắn đoàn tụ mà mỗi người có cuộc sống riêng.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T2, anh T2 đã biết việc chị T xin ly hôn nhưng không có văn bản trình bày ý kiến, anh T2 cũng không tới Tòa để Tòa hòa giải phân tích, động viên anh chị tìm giải pháp hàn gắn đoàn tụ mà anh T2 gửi đơn xin xét xử vắng mặt. Từ những phân tích nhận định trên xét thấy, hiện nay chị T và anh T2 đã không có giải pháp nào để hàn gắn đoàn tụ, mâu thuẫn giữa anh, chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật.

[4.2] Về con chung: Chị T và anh T2 quá trình chung sống có 1 con chung tên Huỳnh Thị Thu T11, sinh ngày 24/01/2016 hiện do chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con chung tên Huỳnh Thị Thu T11, không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con. Nguyên vọng của con chung tên T11 cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với chị T6 Xét yêu cầu của chị T về người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: không có Chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét phán quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị T chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Điều 273 Bộ Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều: 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản

lý án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên Xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Thanh T12
Chị Nguyễn Thị Thanh T9 được ly hôn với anh Huỳnh Minh T13

2.Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Thanh T9 được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Thị Thu T11, sinh ngày 24/01/2016 Chị Nguyễn Thị Thanh T9 không yêu cầu anh Huỳnh Minh T10 cấp dưỡng nuôi con.

Anh Huỳnh Minh T10 được quyền, thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: không có, chị T không yêu cầu Tòa giải quyết

4.Về án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình: Chị Nguyễn Thị Thanh T9 chịu 300.000 đồng tiền án phí của chị T14 được khấu trừ vào 300.000đ ti62n tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 22/02/2024 theo biên lai thu số 0001448 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Lai Vung chị T không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh DT;
- VKSND H.Lai Vung;
- CCTHA-DS H.Lai Vung;
- UBND xã V
- Các đương sự.
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Bích Thủy